

QUYẾT ĐỊNH

Về phê duyệt thiết kế kỹ thuật và dự toán kinh phí trích đo bản đồ địa chính tỷ lệ 1:500 và tỷ lệ 1:1.000 dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính;

Căn cứ Quyết định số 52/2018/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của UBND tỉnh ban hành bộ đơn giá đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu đô thị Khoa Học và Giáo dục Quy Hòa;

Theo đề nghị của Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh tại Tờ trình số 28/TTr-BGPMB ngày 28/02/2024; ý kiến thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 4619/STNMT-CCQLĐĐ ngày 26/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế kỹ thuật và dự toán kinh phí trích đo bản đồ địa chính tỷ lệ 1:500 và tỷ lệ 1:1.000 dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, với các nội dung cụ thể như sau:

1. Tên công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn.

2. Tên hạng mục: Trích đo bản đồ địa chính tỷ lệ 1:500 và tỷ lệ 1:1.000 để phục vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

3. Giới cận và quy mô diện tích:

- Phía Đông giáp: Biển Đông.
- Phía Nam và phía Tây giáp: Sườn Đông núi Vũng Chùa.
- Phía Bắc giáp: Giáp núi Xuân Vân.

Khối lượng diện tích (Trích đo bản đồ địa chính tỷ lệ 1:500 và tỷ lệ 1:1.000):

- Trích đo bản đồ địa chính tỷ lệ 1:500: diện tích 4,8 ha; mức khó khăn 1.
- Trích đo bản đồ địa chính tỷ lệ 1:1.000: diện tích 35,68 ha; mức khó khăn 1.

4. Tổng dự toán kinh phí: 235.314.172 đồng (*Hai trăm ba mươi lăm triệu ba trăm mười bốn nghìn một trăm bảy mươi hai đồng*).

Trong đó:

- Trích đo bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500 : 57.702.326 đồng;
- Trích đo bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1.000 : 146.226.144 đồng;
- Chi phí khảo sát, lập TK-KT : 6.192.514 đồng;
- Chi phí kiểm tra nghiệm thu : 7.762.509 đồng;
- Thuế GTGT 8% : 17.430.679 đồng.

Khối lượng trích đo bản đồ địa chính và mức độ khó khăn sẽ được xác định thanh toán theo thực tế sau khi nghiệm thu hoàn thành công trình.

5. Nguồn vốn thực hiện: Vốn ngân sách nhà nước.

6. Tổ chức thực hiện:

- Cấp phê duyệt thiết kế kỹ thuật và dự toán kinh phí trích đo bản đồ địa chính: UBND tỉnh Bình Định.
- Cơ quan thẩm định thiết kế kỹ thuật và dự toán kinh phí trích đo bản đồ địa chính: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định.
- Chủ đầu tư: Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh.

Điều 2. Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị và địa phương liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Trưởng ban Ban Giải phóng mặt

bằng tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Xây dựng;
- Ban QLDA DD&CN tỉnh;
- CVP, PVPVX;
- Lưu: VT, K8.

ren

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Hải Giang

Lâm Hải Giang